

UBND Phường Điện Biên Phủ

Đơn vị: Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ

Mã ĐVQHNS: 1029788

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP

Tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HD	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH	
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PC TNN												
1	Lê Thị Nga	H.trưởng	5,02			0,5	0,5			24%	1,325	2,76			10,10	23.645.232			1.281.347	240.252	160.168	1.681.767	21.963.464,64
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,7				0,5			33%	1,881	2,85			10,93	25.578.540			1.419.163	266.093	177.395	1.862.652	23.715.888,30
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	6%	0,30	37%	1,953	2,64			10,53	24.643.373			1.383.774	259.458	172.972	1.816.204	22.827.169,45
4	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,7				0,5			34%	1,938	2,85			10,99	25.711.920			1.429.834	268.094	178.729	1.876.657	23.835.263,40
5	Lê Thị Thanh Huệ	Giáo viên	5,7				0,5			29%	1,653	2,85			10,70	25.045.020			1.376.482	258.090	172.060	1.806.632	23.238.387,90
6	Tống Thị Sôm	Giáo viên	4,98				0,5	6%	0,30	30%	1,584	2,64			10,00	23.404.306			1.284.649	240.872	160.581	1.686.102	21.718.204,09
7	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	8%	0,40	30%	1,614	2,69			10,18	23.823.821			1.308.887	245.416	163.611	1.717.915	22.105.906,06
8	Nguyễn T Thanh Huyền	Tổ phó	4,98			0,15	0,5	5%	0,25	28%	1,506	2,69			10,07	23.574.611			1.288.894	241.668	161.112	1.691.674	21.882.936,82
9	Trần Thị Ngọc Hồi	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5	5%	0,25	28%	1,520	2,71			10,16	23.782.871			1.300.875	243.914	162.609	1.707.399	22.075.472,02
10	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5			28%	1,394	2,49			9,36	21.912.696			1.193.288	223.741	149.161	1.566.190	20.346.505,92
11	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.209,78
12	Phạm T Như Thủy	Giáo viên	5,02				0,5			25%	1,255	2,51			9,29	21.726.900			1.174.680	220.253	146.835	1.541.768	20.185.132,50
13	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5			24%	1,241	2,59			9,50	22.220.172			1.200.102	225.019	150.013	1.575.134	20.645.038,44
14	Lê Lê Hằng	Giáo viên	4,68				0,5			26%	1,217	2,34			8,74	20.444.112			1.103.881	206.978	137.985	1.448.844	18.995.268,24
15	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972,18
16	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
17	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,68				0,5			24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.241,76
18	Lưu Thu Tuyết	Giáo viên	4,68			0,15	0,5			24%	1,159	2,42			8,90	20.835.828			1.121.178	210.221	140.147	1.471.546	19.364.281,56
19	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28
20	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,68				0,5			20%	0,936	2,34			8,46	19.787.040			1.051.315	197.122	131.414	1.379.851	18.407.188,80
21	Nguyễn T Kim Anh	Hiệu phó	4,68			0,4	0,5			22%	1,118	2,54			9,24	21.615.984			1.160.191	217.536	145.024	1.522.750	20.093.233,68
22	Phan Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68			0,2	0,5			22%	1,074	2,44			8,89	20.811.024			1.114.514	208.971	139.314	1.462.800	19.348.224,48
23	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00				0,5			19%	0,760	2,00			7,26	16.988.400			891.072	167.076	111.384	1.169.532	15.818.868,00
24	Trần Thị Đình	Giáo viên	4,32				0,5			22%	0,950	2,16			7,93	18.557.136			986.619	184.991	123.327	1.294.937	17.262.198,72
25	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,34				0,5			20%	0,868	2,17			7,88	18.434.520			974.938	182.801	121.867	1.279.606	17.154.914,40
26	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00				0,5			21%	0,840	2,00			7,34	17.175.600			906.048	169.884	113.256	1.189.188	15.986.412,00
27	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00				0,5			15%	0,600	2,00			7,10	16.614.000			861.120	161.460	107.640	1.130.220	15.483.780,00
28	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,34			0,20	0,5			15%	0,681	2,27			7,99	18.698.940			977.371	183.257	122.171	1.282.800	17.416.140,30
29	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34				0,5			17%	0,738	2,17			7,75	18.129.852			950.564	178.231	118.821	1.247.615	16.882.236,54
30	Lương Hồng Yến	Giáo viên	4,34				0,5			22%	0,955	2,17			7,96	18.637.632			991.187	185.847	123.898	1.300.932	17.336.699,64

31	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,68			0,5			22%	1,030	2,34		8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28	
32	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34		0,2	0,5			21%	0,953	2,27		8,26	19.336.356			1.028.364	192.818	128.546	1.349.728	17.986.627,62	
33	Đặng Thị Lua	Giáo viên	4,34			0,5			21%	0,911	2,17		7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807,02	
34	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34			0,5			21%	0,911	2,17		7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807,02	
35	Nguyễn Thị Lanh	Giáo viên	3,66			0,5			15%	0,549	1,83		6,54	15.301.260			787.925	147.736	98.491	1.034.151	14.267.108,70	
36	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36		0,4	0,5			26%	1,498	2,88		10,64	24.891.984			1.358.623	254.742	169.828	1.783.192	23.108.791,68	
37	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33			0,5			10%	0,333	1,67		5,83	13.637.520			685.714	128.571	85.714	899.999	12.737.520,90	
38	Ta Thị Lan	Giáo viên	3,33			0,5			10%	0,333	1,67		5,83	13.637.520			685.714	128.571	85.714	899.999	12.737.520,90	
39	Lô Văn Thanh	Giáo viên	4,00			0,5			15%	0,600	2,00		7,10	16.614.000			861.120	161.460	107.640	1.130.220	15.483.780,00	
40	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00		7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.995,55	
41	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00		7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.995,55	
42	Vì Thị Thảo	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00		7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.995,55	
43	Đặng Thu Hằng	Tổ trưởng	3,66		0,20	0,5			14%	0,540	1,93		6,83	15.983.136			823.755	154.454	102.969	1.081.178	14.901.957,72	
44	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33			0,5			13%	0,433	1,67	0,3	6,23	14.573.286			704.415	132.078	88.052	924.545	13.648.741,47	
45	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66			0,5			16%	0,586	1,83		6,58	15.386.904			794.776	149.021	99.347	1.043.144	14.343.760,08	
46	Vũ Thị Tươi	Giáo viên	4,68		0,15	0,5			22%	1,063	2,42		8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972,18	
47	Nguyễn Thanh Liêm	Giáo viên	4,68			0,5			22%	1,030	2,34		8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215,28	
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,66		0,2	0,5						0,1	4,46	10.436.400			722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998,00	
49	Nguyễn Trọng Quyết	Kế toán	3,66			0,5						0,1	4,26	9.968.400			685.152	128.466	85.644	899.262	9.069.138,00	
50	Lê Thị Tuyền	NV thư viện	3,26			0,5					0,2		3,96	9.266.400			610.272	114.426	76.284	800.982	8.465.418,00	
51	Đỗ Thị Huế	Y tế	3,06			0,5							3,56	8.330.400			572.832	107.406	71.604	751.842	7.578.558,00	
	Cộng lương biên chế		225,82	0,16		3,25	25,5	1,49		48,9	108,4	0,2	0,5	414,2	969.226.493	-	-	52.348.113	9.815.271	6.543.514	68.706.898	900.519.595
52	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			3.860.000									3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700	
53	Đoàn Văn Hải	Bảo vệ			3.860.000									3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700	
54	Lô Văn Lã	Bảo vệ			3.860.000									3.860.000			308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700	
	Cộng lương hợp đồng				11.580.000									11.580.000	-	-	926.400	173.700	115.800	1.215.900	10.364.100	
	Tổng Cộng		225,82	0,16	11.580.000	3,25	25,5	1,49		48,91	108,36	0,2	0,5	414,2	980.806.493	-	-	53.274.513	9.988.971	6.659.314	69.922.798	910.883.695

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín trăm mười triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng chẵn.

KẾ TOÁN

Điện Biên Phủ, ngày ... tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Thị Phương Dung


Lê Thị Nga